

Số: /2023/TT-BYT

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

## THÔNG TƯ

### Quy định danh mục, nội dung gói dịch vụ y tế cơ bản thực hiện tại Trạm Y tế xã, phường, thị trấn phục vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, dự phòng và nâng cao sức khỏe nhân dân

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Y tế dự phòng;

Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư quy định danh mục, nội dung gói dịch vụ y tế cơ bản thực hiện tại Trạm Y tế xã, phường, thị trấn phục vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, dự phòng và nâng cao sức khỏe nhân dân.

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

##### 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định nguyên tắc lựa chọn dịch vụ, danh mục, nội dung gói dịch vụ y tế cơ bản thực hiện tại Trạm Y tế xã, phường, thị trấn phục vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, dự phòng và nâng cao sức khỏe nhân dân (sau đây gọi tắt là gói dịch vụ y tế cơ bản thực hiện tại Trạm Y tế xã).

##### 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với Trạm Y tế xã, đối tượng thụ hưởng dịch vụ và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

#### **Điều 2. Nguyên tắc lựa chọn các dịch vụ thuộc gói dịch vụ y tế cơ bản thực hiện tại Trạm Y tế xã**

1. Các dịch vụ được Bộ Y tế hướng dẫn thực hiện.

2. Phù hợp với mô hình bệnh tật tại địa phương.

3. Phù hợp với khả năng cung ứng dịch vụ của Trạm Y tế xã và nguồn lực của địa phương.

4. Phù hợp với nhu cầu của người dân và tạo điều kiện để người dân tiếp cận dịch vụ thuận tiện, nhanh chóng.

5. Đảm bảo yêu cầu đáp ứng phòng, chống dịch bệnh.

### **Điều 3. Danh mục, nội dung gói dịch vụ y tế cơ bản thực hiện tại Trạm Y tế xã**

1. Danh mục, nội dung gói dịch vụ y tế cơ bản thực hiện tại Trạm Y tế xã bao gồm địa điểm thực hiện; đối tượng; tần suất thực hiện; nội dung; quy trình, hướng dẫn triển khai thực hiện (quy định chi tiết tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này) gồm:

- a) Nhóm dịch vụ chăm sóc sức khỏe trẻ em;
- b) Nhóm dịch vụ chăm sóc sức khỏe phụ nữ;
- c) Nhóm dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi;
- d) Nhóm dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho người khuyết tật;
- đ) Nhóm dịch vụ chăm sóc sức khỏe bằng y học cổ truyền;
- e) Nhóm dịch vụ phòng chống bệnh không lây nhiễm;
- g) Nhóm dịch vụ phòng chống bệnh truyền nhiễm và HIV/AIDS;
- h) Nhóm dịch vụ xác định tình trạng nghiện ma túy;
- i) Nhóm dịch vụ tiêm chủng;
- k) Nhóm dịch vụ về dinh dưỡng;
- l) Nhóm dịch vụ bảo đảm an toàn thực phẩm;
- m) Nhóm dịch vụ về sức khỏe môi trường, phòng chống tai nạn thương tích, sức khỏe lao động;
- n) Nhóm dịch vụ chăm sóc sức khỏe trước khi kết hôn, dân số và kế hoạch hóa gia đình;
- o) Nhóm dịch vụ về truyền thông y tế - dân số.

2. Danh mục, nội dung gói dịch vụ y tế cơ bản thực hiện tại Trạm Y tế xã sẽ được Bộ Y tế cập nhật, điều chỉnh theo yêu cầu thực tiễn.

### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Cục Y tế dự phòng chủ trì, phối hợp với các Vụ, Cục và đơn vị có liên quan thuộc, trực thuộc Bộ Y tế có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức triển khai, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

2. Các đơn vị thuộc Bộ Y tế có trách nhiệm:

a) Chủ động rà soát, xây dựng, cập nhật, bổ sung các quy trình kỹ thuật, hướng dẫn chuyên môn theo lĩnh vực phụ trách trình Bộ Y tế ban hành;

b) Vụ Kế hoạch - Tài chính chủ trì phối hợp với Cục Y tế dự phòng và các đơn vị có liên quan tham mưu Bộ Y tế ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật;

c) Hướng dẫn tổ chức triển khai, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này theo đúng quy định.

3. Các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế có trách nhiệm:

a) Rà soát, tham mưu và đề xuất xây dựng các quy trình kỹ thuật, hướng dẫn chuyên môn theo lĩnh vực chuyên môn phụ trách;

b) Hướng dẫn, chỉ đạo tuyến về chuyên môn kỹ thuật thực hiện Thông tư này theo đúng quy định.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Căn cứ danh mục, nội dung gói dịch vụ y tế cơ bản tại Điều 3 Thông tư này trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định theo thẩm quyền việc sử dụng nguồn ngân sách địa phương để cung cấp các dịch vụ thuộc gói dịch vụ y tế cơ bản theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

b) Bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách theo thẩm quyền để triển khai gói dịch vụ y tế cơ bản thực hiện tại Trạm Y tế xã và đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, thuốc, vật tư cho các Trạm Y tế xã bảo đảm thực hiện danh mục, nội dung gói dịch vụ y tế cơ bản;

c) Bố trí nhân lực để Trạm Y tế xã có đủ điều kiện cung cấp gói dịch vụ y tế cơ bản cho nhân dân trên địa bàn.

5. Sở Y tế có trách nhiệm:

a) Hằng năm phê duyệt Kế hoạch triển khai gói dịch vụ của từng Trạm Y tế xã tại địa phương trên cơ sở đề xuất của Trung tâm Y tế cấp huyện làm cơ sở cho Trạm Y tế xã tổ chức thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Y tế (qua Cục Y tế dự phòng) trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo;

b) Phối hợp với Sở Tài chính, các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng kế hoạch bảo đảm nguồn tài chính và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bảo đảm nguồn tài chính để thanh toán các chi phí triển khai gói dịch vụ y tế cơ bản thực hiện tại Trạm Y tế xã theo quy định của pháp luật;

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng lộ trình đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, bố trí nhân lực phù hợp với thực tế của từng Trạm Y tế xã, nhu cầu thực tế của người dân trên địa bàn và hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ của Trạm Y tế xã để triển khai gói dịch vụ theo quy định của pháp luật;

d) Hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai gói dịch vụ y tế cơ bản thực hiện tại Trạm Y tế xã phù hợp với các quy trình, hướng dẫn chuyên môn, kỹ thuật, kế hoạch được giao và các quy định của pháp luật có liên quan;

đ) Phối hợp với các cơ sở có chức năng đào tạo nhân lực y tế để tổ chức các lớp đào tạo lại, cập nhật kiến thức y khoa liên tục, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ y tế để triển khai có hiệu quả việc cung ứng gói

dịch vụ y tế cơ bản thực hiện tại Trạm Y tế xã.

6. Trung tâm Y tế cấp huyện có trách nhiệm:

a) Xây dựng Kế hoạch triển khai gói dịch vụ của từng Trạm Y tế xã gửi Sở Y tế xem xét, phê duyệt;

b) Hướng dẫn, hỗ trợ, tập huấn về chuyên môn, kỹ thuật cho cán bộ của Trạm Y tế xã để triển khai có hiệu quả việc cung ứng gói dịch vụ y tế cơ bản cho nhân dân trên địa bàn theo kế hoạch được giao;

c) Giám sát việc tổ chức, thực hiện của Trạm Y tế xã và thực hiện thủ tục thanh toán chi phí dịch vụ cho Trạm Y tế xã trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

7. Trạm Y tế xã có trách nhiệm xây dựng lộ trình thực hiện, kế hoạch triển khai gói dịch vụ y tế cơ bản của đơn vị và tổ chức triển khai thực hiện các dịch vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này.

### **Điều 5. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày      tháng      năm 2023.

2. Bỏ cụm từ “và các trạm y tế xã, phường, thị trấn” tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 39/2017/TT-BYT ngày 18 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định gói dịch vụ y tế cơ bản cho tuyến y tế cơ sở.

### **Điều 6. Điều khoản tham chiếu**

Trường hợp các văn bản dẫn chiếu trong Thông tư này bị thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản thay thế hoặc văn bản đã được sửa đổi, bổ sung đó.

### **Điều 7. Trách nhiệm thi hành**

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng, Cục trưởng, Tổng Cục trưởng các Vụ, Cục, Tổng cục thuộc Bộ Y tế, Giám đốc Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện có vấn đề phát sinh, khó khăn, vướng mắc, cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Y tế (qua Cục Y tế dự phòng) để xem xét, giải quyết./.

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Xã hội của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (Vụ Khoa giáo văn xã, Công báo, Cổng TTĐT Chính phủ);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Các Bộ, Cơ quan ngang bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Đồng chí Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Các Vụ, Cục, Tổng cục, Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ;
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Trung tâm KDYTQT, Kiểm soát bệnh tật;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Y tế;
- Lưu: VT, PC, DP (02).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Nguyễn Thị Liên Hương**

**Phụ lục:****Tên danh mục, nội dung chi tiết của các dịch vụ thuộc gói dịch vụ y tế cơ bản thực hiện tại Trạm Y tế xã***(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BYT ngày tháng năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

STT	Danh mục và nội dung chi tiết của dịch vụ
<b>a) Nhóm dịch vụ chăm sóc sức khỏe trẻ em</b>	
<b>Gói 1</b>	<b>Tư vấn sàng lọc, lấy máu gót chân trẻ sơ sinh để sàng lọc (không bao gồm chi phí xét nghiệm)</b>
1.	Địa điểm thực hiện: tại Trạm Y tế xã hoặc tại nhà hoặc điểm cung cấp dịch vụ tại cộng đồng.
2.	Đối tượng: trẻ sơ sinh có độ tuổi từ 24 giờ đến 72 giờ (thời điểm lấy mẫu máu trẻ sơ sinh tốt nhất là 48 giờ sau sinh).
3.	Tần suất thực hiện: 01 lần/01 trẻ.
4.	Nội dung: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tư vấn cho cha mẹ hoặc người giám hộ của trẻ sơ sinh về ý nghĩa, lợi ích và rủi ro có thể xảy ra khi tiến hành các kỹ thuật áp dụng trong sàng lọc; những hậu quả do bệnh lý, rối loạn nội tiết - chuyển hóa, di truyền bẩm sinh gây ra;</li> <li>- Lấy mẫu máu gót chân trẻ sơ sinh bằng giấy lấy mẫu;</li> <li>- Bảo quản và vận chuyển đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có cung cấp dịch vụ xét nghiệm sàng lọc sơ sinh;</li> <li>- Gửi thông báo kết quả sàng lọc cho tất cả đối tượng;</li> <li>- Thông báo kết quả sàng lọc cho đối tượng nguy cơ cao.</li> </ul>
5.	Quy trình, hướng dẫn triển khai thực hiện theo: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 34/2017/TT-BYT ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn tư vấn, sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh;</li> <li>- Thông tư số 30/2019/TT-BYT ngày 03 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 34/2017/TT-BYT ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn tư vấn, sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh;</li> <li>- Quyết định số 1807/QĐ-BYT ngày 21 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn về chuyên môn kỹ thuật trong sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh.</li> </ul>
<b>Gói 2</b>	<b>Quản lý trường hợp nguy cơ cao sau sàng lọc sơ sinh</b>
1.	Địa điểm thực hiện: tại Trạm Y tế xã hoặc tại nhà hoặc điểm cung cấp dịch vụ tại cộng đồng.
2.	Đối tượng và tần suất thực hiện: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Với trường hợp trẻ có nguy cơ cao mắc bệnh nội tiết, chuyển hóa và di truyền bẩm sinh sau sàng lọc sơ sinh thì tần suất thực hiện là 01 lần/01 trẻ.</li> </ul>

STT	Danh mục và nội dung chi tiết của dịch vụ
	- Với trường hợp trẻ được chẩn đoán xác định mắc bệnh nội tiết, chuyển hóa và di truyền bẩm sinh sau sàng lọc sơ sinh thì tần suất thực hiện là 01 lần/01 trẻ/01 tháng.
3.	<p>Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lập hồ sơ theo dõi, quản lý trẻ;</li> <li>- Thăm hộ gia đình có trẻ sơ sinh nguy cơ cao sau sàng lọc sơ sinh được chẩn đoán xác định mắc bệnh nội tiết, chuyển hóa và di truyền bẩm sinh;</li> <li>- Quản lý đối tượng chẩn đoán xác định mắc bệnh nội tiết, chuyển hóa và di truyền bẩm sinh và các rối loạn chuyển hóa bẩm sinh, các bệnh tật khác;</li> <li>- Tư vấn, hướng dẫn, theo dõi quá trình điều trị, chăm sóc trẻ được chẩn đoán mắc bệnh di truyền, chuyển hóa bẩm sinh.</li> </ul>
4.	<p>Quy trình, hướng dẫn triển khai thực hiện theo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 34/2017/TT-BYT ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn tư vấn, sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh;</li> <li>- Thông tư số 30/2019/TT-BYT ngày 03 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 34/2017/TT-BYT ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn tư vấn, sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh;</li> <li>- Quyết định số 1807/QĐ-BYT ngày 21 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn về chuyên môn kỹ thuật trong sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh.</li> </ul>
<b>Gói 3</b>	<b>Khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ cho trẻ dưới 06 tuổi không đi học</b>
1.	Địa điểm thực hiện: tại Trạm Y tế xã.
2.	Đối tượng: trẻ em dưới 06 tuổi không đi học.
3.	<p>Tần suất thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ từ trên 01 tháng đến dưới 36 tháng: tối thiểu 06 tháng/01 lần.</li> <li>- Trẻ từ 36 tháng đến dưới 06 tuổi: tối thiểu 01 năm/01 lần.</li> </ul>
4.	<p>Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá tình trạng dinh dưỡng; phân loại và chuyển trẻ vào các chương trình quản lý, chăm sóc dinh dưỡng hiện có tại địa phương tùy thuộc tình trạng dinh dưỡng của trẻ;</li> <li>- Sàng lọc, phát hiện sớm bất thường về phát triển tinh thần, vận động và các dấu hiệu nghi ngờ khuyết tật của trẻ em;</li> <li>- Kiểm tra lịch tiêm chủng và tư vấn tiêm chủng;</li> <li>- Tư vấn và chuyển tuyến nếu phát hiện bất thường;</li> <li>- Tư vấn nuôi dưỡng cho trẻ nhỏ: nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn, duy trì bú mẹ, thời điểm cho ăn bổ sung, hướng dẫn thực hành ăn bổ sung hợp lý, bổ sung vi chất cho trẻ, vệ sinh chăm sóc trẻ;</li> </ul>

STT	Danh mục và nội dung chi tiết của dịch vụ
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấp phát sản phẩm bổ sung các vi chất dinh dưỡng cho trẻ dưới 36 tháng 02 lần/01 năm;</li> <li>- Cập nhật hồ sơ sức khỏe, ghi Sổ theo dõi sức khỏe bà mẹ và trẻ em theo quy định.</li> </ul>
5.	<p>Quy trình, hướng dẫn triển khai thực hiện theo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 23/2017/TT-BYT ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn việc lập hồ sơ theo dõi sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ theo độ tuổi cho trẻ em; tư vấn chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng;</li> <li>- Quyết định số 359/QĐ-BYT ngày 31 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành tài liệu hướng dẫn phát hiện sớm, can thiệp sớm khuyết tật trẻ em;</li> <li>- Quyết định số 4944/QĐ-BYT ngày 27 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn quốc gia về phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng;</li> <li>- Quyết định số 140/QĐ-BYT ngày 20 tháng 01 năm 2020 ban hành mẫu Sổ theo dõi sức khỏe bà mẹ và trẻ em sử dụng cho phụ nữ có thai và trẻ em đến 6 tuổi tại các cơ sở y tế;</li> <li>- Quyết định số 1021/QĐ-BYT ngày 04 tháng 02 năm 2021 về việc ban hành Sổ theo dõi sức khỏe bà mẹ và trẻ em phiên bản điện tử.</li> </ul>
<b>Gói 4</b>	<b>Khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ cho học sinh</b>
1.	Địa điểm thực hiện: tại Trạm Y tế xã hoặc tại các cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn xã.
2.	Đối tượng: trẻ em các cơ sở giáo dục mầm non và học sinh các cơ sở giáo dục phổ thông.
3.	Tần suất thực hiện: tối thiểu 01 lần/01 năm.
4.	<p>Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khám, kiểm tra sức khỏe cho trẻ em, học sinh bao gồm đo chiều cao, cân nặng, huyết áp, nhịp tim, thị lực,... phát hiện các trường hợp suy dinh dưỡng, thừa cân béo phì, bệnh tim mạch, bệnh về mắt, bệnh răng miệng, bệnh xương khớp, các rối loạn sức khỏe tâm thần;</li> <li>- Tư vấn, hướng dẫn về chế độ dinh dưỡng và vận động thể lực hợp lý cho trẻ em, học sinh và phụ huynh;</li> <li>- Cấp phát sản phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng cho trẻ em dưới 36 tháng 02 lần/01 năm.</li> </ul>
5.	<p>Quy trình, hướng dẫn triển khai thực hiện theo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12 tháng 5 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công tác y tế trường học;</li> <li>- Quyết định số 4280/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phê duyệt hướng dẫn công tác tổ chức bữa ăn học đường kết hợp tăng cường hoạt động thể lực cho</li> </ul>

STT	Danh mục và nội dung chi tiết của dịch vụ
	<p>học sinh trung học cơ sở;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 2195/QĐ-BGDĐT ngày 10 tháng 08 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phê duyệt hướng dẫn công tác tổ chức bữa ăn học đường, kết hợp hoạt động thể lực cho trẻ em, học sinh trong các cơ sở giáo dục mầm non và tiểu học;</li> <li>- Quyết định số 4944/QĐ-BYT ngày 27 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn quốc gia về phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng và các văn bản có liên quan khác.</li> </ul>
<b>b) Nhóm dịch vụ chăm sóc sức khỏe phụ nữ</b>	
<b>Gói 5</b>	<b>Chăm sóc sức khỏe phụ nữ mang thai và sàng lọc trước sinh</b>
1.	Địa điểm thực hiện: tại Trạm Y tế xã hoặc tại nhà hoặc điểm cung cấp dịch vụ tại cộng đồng.
2.	Đối tượng: phụ nữ mang thai.
3.	Tần suất thực hiện: 01 lần/01 đối tượng.
4.	<p>Nội dung (ngoài các nội dung khám thai định kỳ theo Hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản đã được bảo hiểm y tế chi trả):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tư vấn về mục đích, ý nghĩa, lợi ích, rủi ro có thể xảy ra khi tiến hành kỹ thuật áp dụng, trình tự các bước tiến hành trong sàng lọc trước sinh; hậu quả các bệnh lây truyền từ mẹ sang con;</li> <li>- Tư vấn về chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ khi mang thai, khi cho con bú và khuyến khích nuôi con bằng sữa mẹ;</li> <li>- Tư vấn và xét nghiệm sàng lọc HIV, viêm gan B và giang mai bằng kỹ thuật test nhanh;</li> <li>- Tư vấn và cấp phát sản phẩm có chứa sắt và axit folic (cấp mỗi tháng 01 lần, trạm y tế xã cấp lần đầu, sau đó cấp qua mạng lưới y tế thôn, bản, cô đỡ thôn, bản);</li> <li>- Cập nhật hồ sơ sức khỏe, ghi Sổ theo dõi sức khỏe bà mẹ và trẻ em theo quy định.</li> </ul>
5.	<p>Quy trình, hướng dẫn triển khai thực hiện theo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 34/2017/TT-BYT ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn tư vấn, sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh;</li> <li>- Thông tư số 30/2019/TT-BYT ngày 03 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 34/2017/TT-BYT ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn tư vấn, sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh;</li> <li>- Quyết định số 1807/QĐ-BYT ngày 21 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn về chuyên môn kỹ thuật trong sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh;</li> <li>- Quyết định số 4128/QĐ-BYT ngày 29 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt tài liệu hướng dẫn quốc gia về các</li> </ul>



STT	<b>Danh mục và nội dung chi tiết của dịch vụ</b>
	dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản; - Quyết định số 2834/QĐ-BYT ngày 04 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt hướng dẫn kỹ thuật các can thiệp dự phòng HIV, viêm gan B và giang mai lây truyền từ mẹ sang con; - Quyết định số 4944/QĐ-BYT ngày 27 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn quốc gia về phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng; - Quyết định số 140/QĐ-BYT ngày 20 tháng 01 năm 2020 ban hành mẫu Sổ theo dõi sức khỏe bà mẹ và trẻ em sử dụng cho phụ nữ có thai và trẻ em đến 6 tuổi tại các cơ sở y tế; - Quyết định số 1021/QĐ-BYT ngày 04 tháng 02 năm 2021 về việc ban hành Sổ theo dõi sức khỏe bà mẹ và trẻ em phiên bản điện tử.
<b>Gói 6</b>	<b>Quản lý chăm sóc thai phụ có nguy cơ cao dị tật bào thai sau sàng lọc trước sinh</b>
1.	Địa điểm thực hiện: tại Trạm Y tế xã hoặc tại nhà hoặc điểm cung cấp dịch vụ tại cộng đồng.
2.	Đối tượng: thai phụ có kết quả sàng lọc trước sinh: có nguy cơ cao dị tật bào thai sau sàng lọc theo chỉ định của tuyến trên.
3.	Tần suất thực hiện: 01 lần/01 tháng.
4.	Nội dung: - Thống kê, báo cáo, lập hồ sơ, quản lý sau khi sàng lọc phát hiện đối tượng có nguy cơ cao mắc các bệnh: hội chứng Down (ba nhiễm sắc thể 21); Hội chứng Edward (ba nhiễm sắc thể 18), hội chứng Patau (ba nhiễm sắc thể 13); bệnh tan máu bẩm sinh (Thalassemia); các dị tật có thể phát hiện bằng siêu âm như dị tật ống thần kinh, dị tật thành bụng và các bệnh tật di truyền hoặc không di truyền khác; - Quản lý, tư vấn cho thai phụ có kết quả sàng lọc trước sinh: nguy cơ cao dị tật bào thai theo chỉ định của tuyến trên.
5.	Quy trình, hướng dẫn triển khai thực hiện theo: - Thông tư số 34/2017/TT-BYT ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn tư vấn, sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh; - Thông tư số 30/2019/TT-BYT ngày 03 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 34/2017/TT-BYT ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn tư vấn, sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh; - Quyết định số 1807/QĐ-BYT ngày 21 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn về chuyên môn kỹ thuật trong sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh.
<b>Gói 7</b>	<b>Chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ sơ sinh tại nhà sau sinh</b>
1.	Địa điểm thực hiện: tại nhà.
2.	Đối tượng: bà mẹ trong thời kỳ hậu sản (42 ngày sau sinh) và trẻ sơ sinh.

STT	Danh mục và nội dung chi tiết của dịch vụ
3.	<p>Tần suất thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với trường hợp sinh con tại cơ sở y tế: tối thiểu 01 lần trong tuần đầu sau sinh, trừ những trường hợp có chỉ định ở lại cơ sở y tế thì thực hiện trong vòng 07 ngày sau khi rời cơ sở y tế.</li> <li>- Đối với trường hợp sinh con ngoài cơ sở y tế: tối thiểu 02 lần, trong đó: lần 01 thực hiện ngay sau khi nhận được thông tin về cuộc sinh; lần 02 trong vòng 07 ngày sau lần 01.</li> </ul>
4.	<p>Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với mẹ: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Kiểm tra tình trạng toàn thân (mạch, huyết áp, nhịp thở; thân nhiệt; tình trạng da...); cơ hội tử cung, tầng sinh môn, sản dịch, vú; hướng dẫn tự theo dõi, chăm sóc; phát hiện dấu hiệu nguy hiểm ở bà mẹ sau sinh, chuyển đến cơ sở y tế nếu cần thiết;</li> <li>+ Hỗ trợ, tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ (cho trẻ bú sớm, bú hoàn toàn, hướng dẫn ngậm bắt vú) và hướng dẫn chăm sóc trẻ;</li> <li>+ Tư vấn và cấp phát vitamin A trong vòng 01 tháng sau sinh và sản phẩm có chứa sắt, axit folic;</li> <li>+ Cập nhật hồ sơ sức khỏe theo quy định; ghi Sổ theo dõi sức khỏe bà mẹ và trẻ em.</li> </ul> </li> <li>- Đối với con: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Kiểm tra tình trạng toàn thân (theo dõi nhịp thở; thân nhiệt; tình trạng da, mắt, rốn...);</li> <li>+ Đánh giá tình trạng dinh dưỡng và phát hiện các dấu hiệu nghi ngờ khuyết tật ở trẻ em;</li> <li>+ Tư vấn về theo dõi và chăm sóc trẻ;</li> <li>+ Phát hiện dấu hiệu nguy hiểm ở trẻ sơ sinh, chuyển đến cơ sở y tế nếu cần thiết;</li> <li>+ Cập nhật hồ sơ sức khỏe theo quy định; ghi Sổ theo dõi sức khỏe bà mẹ và trẻ em.</li> </ul> </li> </ul>
5.	<p>Quy trình, hướng dẫn triển khai thực hiện theo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 4128/QĐ-BYT ngày 29 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt Tài liệu hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản;</li> <li>- Quyết định số 359/QĐ-BYT ngày 31 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Tài liệu hướng dẫn phát hiện sớm, can thiệp sớm khuyết tật trẻ em;</li> <li>- Quyết định số 4944/QĐ-BYT ngày 27 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn quốc gia về phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng.</li> </ul>
<b>Gói 8</b>	<b>Sàng lọc ung thư cổ tử cung và ung thư vú</b>
1.	Địa điểm thực hiện: tại Trạm Y tế xã.
2.	Đối tượng: phụ nữ trên địa bàn xã trong độ tuổi từ 21-65 tuổi, ưu tiên độ tuổi từ 30-54 tuổi.

STT	Danh mục và nội dung chi tiết của dịch vụ
3.	Tần suất thực hiện: 01 lần/01 phụ nữ/01 năm.
4.	<p>Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khám vùng bụng dưới và vùng bẹn;</li> <li>- Khám bộ phận sinh dục ngoài;</li> <li>- Khám âm đạo bằng mỏ vịt;</li> <li>- Khám âm đạo bằng hai tay;</li> <li>- Khám trực tràng;</li> <li>- Khám vú;</li> <li>- Thực hiện nghiệm pháp quan sát cổ tử cung với axit axetic (VIA) hoặc Lugol (VILI);</li> <li>- Tư vấn và chuyển tuyến trên với những phụ nữ có kết quả nghiệm pháp VIA/VILI dương tính hoặc nghi ngờ ung thư.</li> </ul>
5.	<p>Quy trình, hướng dẫn triển khai thực hiện theo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 2402/QĐ-BYT ngày 10 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt tài liệu hướng dẫn dự phòng và kiểm soát ung thư cổ tử cung;</li> <li>- Quyết định số 4128/QĐ-BYT ngày 29 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt tài liệu hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản.</li> </ul>
<b>c) Nhóm dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi;</b>	
<b>Gói 9</b>	<b>Khám sức khỏe định kỳ cho người cao tuổi; tư vấn hướng dẫn, phổ biến kiến thức về chăm sóc sức khỏe, kỹ năng phòng bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng và tự chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi</b>
<b><i>9.1. Khám sức khỏe định kỳ cho người cao tuổi</i></b>	
1.	Địa điểm thực hiện: tại Trạm Y tế xã hoặc tại điểm cung cấp dịch vụ tại cộng đồng hoặc tại nhà.
2.	Đối tượng: người đủ từ 60 tuổi trở lên trên địa bàn xã (nơi cư trú).
3.	Tần suất thực hiện: ít nhất 01 lần/01 năm.
4.	<p>Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khám thể lực, đánh giá tình trạng dinh dưỡng;</li> <li>- Khám lâm sàng (nội khoa, mắt, tai - mũi - họng, răng - hàm - mặt, da liễu);</li> <li>- Khám cận lâm sàng;</li> <li>- Test tiểu đường.</li> </ul>
5.	<p>Quy trình, hướng dẫn triển khai thực hiện theo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 35/2011/TT-BYT ngày 15 tháng 10 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn thực hiện chăm sóc sức khỏe người cao tuổi;</li> <li>- Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn khám sức khỏe.</li> </ul>
<b><i>9.2. Tư vấn hướng dẫn, phổ biến kiến thức về chăm sóc sức khỏe, kỹ năng phòng bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng và tự chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi</i></b>	

STT	Danh mục và nội dung chi tiết của dịch vụ
1.	Địa điểm thực hiện: tại Trạm Y tế xã hoặc điểm cung cấp dịch vụ tại cộng đồng hoặc tại nhà.
2.	Đối tượng: người đủ từ 60 tuổi trở lên tại địa bàn xã (nơi cư trú) và người thân trực tiếp chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi.
3.	Tần suất thực hiện: 01 lần/06 tháng.
4.	<p>Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lập kế hoạch thực hiện chăm sóc người đủ từ 60 tuổi trở lên được đánh giá có sức khỏe yếu và những người trên 80 tuổi (theo hướng dẫn chăm sóc tích hợp cho người cao tuổi);</li> <li>- Hướng dẫn người cao tuổi các kỹ năng phòng bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng, tự chăm sóc sức khỏe; dinh dưỡng cho người cao tuổi;</li> <li>- Tư vấn về rèn luyện thân thể, tăng cường sức khỏe và phòng bệnh đặc biệt là các bệnh thường gặp ở người cao tuổi cho người cao tuổi và người thân.</li> </ul>
5.	Quy trình, hướng dẫn triển khai thực hiện theo: Thông tư số 35/2011/TT-BYT ngày 15 tháng 10 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn thực hiện chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.
<b>d) Nhóm dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho người khuyết tật</b>	
<b>Gói 10</b>	<b>Sàng lọc, phát hiện sớm khuyết tật</b>
1.	Địa điểm thực hiện: tại Trạm Y tế xã hoặc tại trường học hoặc tại nhà.
2.	Đối tượng thụ hưởng: trẻ em từ sơ sinh đến 06 tuổi.
3.	Tần suất thực hiện: định kỳ 02 lần/năm hoặc khi có nghi ngờ khuyết tật.
4.	<p>Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khám tổng quát: đo chiều cao, cân nặng, huyết áp, khám tim phổi và các cơ quan, bộ phận, khám tâm thần, thần kinh;</li> <li>- Khám sàng lọc khuyết tật;</li> <li>- Hướng dẫn phục hồi chức năng tại nhà cho gia đình hoặc tư vấn chuyển tuyến;</li> <li>- Cập nhật thông tin người khuyết tật vào hệ thống thông tin quản lý sức khỏe, phục hồi chức năng người khuyết tật.</li> </ul>
5.	<p>Quy trình, hướng dẫn triển khai thực hiện theo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 1213/QĐ-BYT ngày 15 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành bộ tài liệu hướng dẫn công tác phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng;</li> <li>- Quyết định 359/QĐ-BYT ngày 31 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành tài liệu “Hướng dẫn phát hiện sớm - Can thiệp sớm khuyết tật trẻ em”;</li> <li>- Quyết định 3815/QĐ-BYT ngày 21 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc triển khai hệ thống thông tin Quản lý sức khỏe, phục hồi chức năng người khuyết tật.</li> </ul>

<b>STT</b>	<b>Danh mục và nội dung chi tiết của dịch vụ</b>
<b>Gói 11</b>	<b>Tư vấn chăm sóc sức khỏe phòng ngừa khuyết tật và phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng</b>
1.	Địa điểm thực hiện: tại Trạm Y tế xã hoặc tại nhà.
2.	Đối tượng thụ hưởng: người khuyết tật trên địa bàn xã và người trực tiếp chăm sóc cho người khuyết tật.
3.	Tần suất thực hiện: tối thiểu 02 lần/01 người khuyết tật/01 năm.
4.	Nội dung: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tư vấn cho người khuyết tật: các phương pháp phòng bệnh, chữa bệnh, chăm sóc và thực hiện các hoạt động sinh hoạt hằng ngày và sống độc lập;</li> <li>- Tư vấn, hướng dẫn cho gia đình người khuyết tật kỹ năng tự chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng người khuyết tật, hòa nhập cộng đồng;</li> <li>- Cập nhật thông tin người khuyết tật vào hệ thống thông tin quản lý sức khỏe, phục hồi chức năng người khuyết tật.</li> </ul>
5.	Quy trình, hướng dẫn triển khai thực hiện theo: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 1213/QĐ-BYT ngày 15 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành bộ tài liệu hướng dẫn công tác phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng;</li> <li>- Quyết định 359/QĐ-BYT ngày 31 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành tài liệu “Hướng dẫn phát hiện sớm - Can thiệp sớm khuyết tật trẻ em”;</li> <li>- Quyết định 3815/QĐ-BYT ngày 21 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc triển khai hệ thống thông tin Quản lý sức khỏe, phục hồi chức năng người khuyết tật.</li> </ul>
<b>đ) Nhóm dịch vụ chăm sóc sức khỏe bằng y học cổ truyền</b>	
<b>Gói 12</b>	<b>Chăm sóc vườn thuốc và tư vấn sử dụng cây thuốc</b>
1.	Địa điểm thực hiện: tại Trạm Y tế xã.
2.	Đối tượng: chăm sóc cây thuốc là cán bộ y tế hoặc nhân công được thuê; đối tượng tư vấn sử dụng cây thuốc là người dân trên địa bàn.
3.	Tần suất thực hiện: thường xuyên.
4.	Nội dung: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chăm sóc cây thuốc;</li> <li>- Tư vấn sử dụng cây thuốc cho người dân.</li> </ul>
5.	Quy trình, hướng dẫn triển khai thực hiện theo: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hướng dẫn quy trình trồng cây thuốc, thu hái và chế biến cây thuốc của Viện Dược liệu;</li> <li>- Quyết định số 4664/QĐ-BYT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Bộ tranh cây thuốc mẫu sử dụng trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền, Dược điển Việt Nam và các tài liệu chuyên môn khác của Bộ Y tế ban hành.</li> </ul>
<b>Gói 13</b>	<b>Hướng dẫn luyện tập dưỡng sinh</b>
1.	Địa điểm thực hiện: tại cộng đồng.

STT	Dan h mục và nội dung chi tiết của dịch vụ
2.	Đối tượng: người dân trên địa bàn.
3.	Tần suất thực hiện: 01 quý/01 lần
4.	Nội dung: - Tổ chức, hướng dẫn cho người dân tập luyện dưỡng sinh; - Giám sát, đánh giá hiệu quả của cộng đồng trong việc tập luyện dưỡng sinh.
5.	Quy trình, hướng dẫn triển khai thực hiện theo: Quy trình kỹ thuật quy định tại Quyết định số 5480/QĐ-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Tài liệu chuyên môn hướng dẫn quy trình kỹ thuật chuyên ngành y học cổ truyền và các tài liệu chuyên môn khác của Bộ Y tế ban hành.
<b>e) Nhóm dịch vụ phòng chống bệnh không lây nhiễm</b>	
<b>Gói 14</b>	<b>Sàng lọc bệnh không lây nhiễm bao gồm bệnh tăng huyết áp, bệnh đái tháo đường, bệnh hen phế quản, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính, bệnh ung thư và một số bệnh rối loạn tâm thần</b>
1.	Địa điểm thực hiện: tại Trạm Y tế xã hoặc điểm cung cấp dịch vụ tại cộng đồng hoặc tại nhà.
2.	Đối tượng: người dân trên 40 tuổi (ngoại trừ sàng lọc một số bệnh rối loạn tâm thần).
3.	Tần suất thực hiện: tối thiểu 01 lần/01 năm.
4.	Nội dung: - Sàng lọc nguy cơ bằng bảng kiểm hoặc bộ câu hỏi; - Khám lâm sàng; - Tiến hành các xét nghiệm sàng lọc bằng test nhanh như xét nghiệm đường máu mao mạch, cholesterol, acid uric, đo chức năng hô hấp,...; - Tư vấn về phòng bệnh và các yếu tố nguy cơ của bệnh không lây nhiễm; - Cập nhật hồ sơ quản lý sức khỏe.
5.	Quy trình, hướng dẫn triển khai thực hiện theo: - Quyết định số 5904/QĐ-BYT ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành tài liệu chuyên môn hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và quản lý một số bệnh không lây nhiễm tại Trạm Y tế xã; - Quyết định số 3756/QĐ-BYT ngày 21 tháng 06 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn hoạt động dự phòng, phát hiện sớm, chẩn đoán, điều trị và quản lý một số bệnh không lây nhiễm phổ biến cho tuyến y tế cơ sở; - Quyết định số 2381/QĐ-BYT ngày 09 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn phát hiện sớm một số bệnh không lây nhiễm.
<b>Gói 15</b>	<b>Theo dõi điều trị và quản lý bệnh không lây nhiễm bao gồm bệnh tăng huyết áp, bệnh đái tháo đường, bệnh hen phế quản, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính, bệnh ung thư và một số bệnh rối loạn tâm thần</b>

<b>STT</b>	<b>Danh mục và nội dung chi tiết của dịch vụ</b>
1.	Địa điểm thực hiện: điểm cung cấp dịch vụ tại cộng đồng hoặc tại nhà.
2.	Đối tượng: người đã được chẩn đoán mắc bệnh không lây nhiễm.
3.	Tần suất thực hiện: định kỳ hoặc đột xuất theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế và phù hợp với các quy định khác của pháp luật.
4.	Nội dung: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khám lâm sàng;</li> <li>- Tiến hành các xét nghiệm theo dõi bệnh (nếu có);</li> <li>- Tư vấn, hướng dẫn cho người mắc bệnh không lây nhiễm bị các biến chứng, người chăm sóc biết được về chế độ dinh dưỡng hợp lý, các kỹ năng luyện tập, phục hồi chức năng tại cộng đồng;</li> <li>- Cấp phát, hướng dẫn sử dụng thuốc (nếu có);</li> <li>- Cập nhật hồ sơ quản lý sức khỏe.</li> </ul>
5.	Quy trình, hướng dẫn triển khai thực hiện theo: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 5904/QĐ-BYT ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành tài liệu chuyên môn hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và quản lý một số bệnh không lây nhiễm tại Trạm Y tế xã;</li> <li>- Quyết định số 3756/QĐ-BYT ngày 21 tháng 06 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn hoạt động dự phòng, phát hiện sớm, chẩn đoán, điều trị và quản lý một số bệnh không lây nhiễm phổ biến cho tuyến y tế cơ sở.</li> </ul>
<b>g) Nhóm dịch vụ phòng chống bệnh truyền nhiễm và HIV/AIDS</b>	
<b>Gói 16</b>	<b>Giám sát chủ động phát hiện bệnh, dịch bệnh truyền nhiễm</b>
1.	Địa điểm thực hiện: tại cộng đồng.
2.	Đối tượng: người dân trên địa bàn xã.
3.	Tần suất thực hiện: hằng tuần hoặc đột xuất khi có yêu cầu.
4.	Nội dung: giám sát, phát hiện trường hợp mắc bệnh truyền nhiễm, nghi ngờ mắc bệnh truyền nhiễm tại hộ gia đình trên địa bàn xã. Có thể sử dụng test nhanh (nếu có) để sàng lọc, phát hiện sớm ca bệnh truyền nhiễm tại cộng đồng.
5.	Quy trình, hướng dẫn triển khai thực hiện theo: Thông tư số 17/2019/TT-BYT ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn giám sát và đáp ứng với bệnh, dịch bệnh truyền nhiễm và các quyết định, hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế ban hành.
<b>Gói 17</b>	<b>Giám sát chủ động véc tơ, môi trường, các yếu tố nguy cơ các bệnh truyền nhiễm tại cộng đồng</b>
1.	Địa điểm thực hiện: tại cộng đồng.
2.	Đối tượng: người dân trên địa bàn xã.
3.	Tần suất thực hiện: hằng tuần (đối với vùng điểm nguy cơ cao) hoặc hằng tháng.

STT	Danh mục và nội dung chi tiết của dịch vụ
4.	<p>Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giám sát ngẫu nhiên hộ gia đình để xác định ổ chứa, véc tơ, vật chủ trung gian truyền bệnh, môi trường và các yếu tố nguy cơ;</li> <li>- Hướng dẫn người dân loại bỏ ổ chứa, tiêu diệt véc tơ, vật chủ trung gian truyền bệnh, giảm thiểu hoặc loại bỏ yếu tố nguy cơ;</li> <li>- Phân tích, đánh giá, đưa ra các chỉ số véc tơ gây bệnh truyền nhiễm và đề xuất các biện pháp xử lý;</li> <li>- Giám sát, hướng dẫn các biện pháp vệ sinh môi trường;</li> <li>- Tổng hợp, báo cáo kết quả giám sát.</li> </ul>
5.	<p>Quy trình, hướng dẫn triển khai thực hiện theo: Thông tư số 17/2019/TT-BYT ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn giám sát và đáp ứng với bệnh, dịch bệnh truyền nhiễm và các quyết định, hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế ban hành.</p>
<b>Gói 18 Dự phòng lây nhiễm HIV</b>	
1.	<p>Địa điểm thực hiện: tại Trạm Y tế xã.</p>
2.	<p>Đối tượng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cung cấp và hướng dẫn sử dụng bao cao su, bơm kim tiêm sạch: người nghiện chích ma túy, phụ nữ bán dâm, nam quan hệ tình dục đồng giới, người chuyển đổi giới tính và những người có quan hệ tình dục với những người có nguy cơ lây nhiễm HIV trên địa bàn;</li> <li>- Điều trị dự phòng trước phơi nhiễm với HIV bằng thuốc kháng HIV (PrEP): khách hàng PrEP được quản lý, điều trị;</li> <li>- Cấp phát thuốc điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế: người tham gia điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.</li> </ul>
3.	<p>Tần suất thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cung cấp và hướng dẫn sử dụng bao cao su, bơm kim tiêm sạch: hằng tháng;</li> <li>- Điều trị dự phòng trước phơi nhiễm với HIV bằng thuốc kháng HIV (PrEP): theo hướng dẫn về lịch tái khám hoặc khi khách hàng có nhu cầu;</li> <li>- Cấp phát thuốc điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế: hằng ngày hoặc nhiều ngày.</li> </ul>
4.	<p>Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tư vấn cho các đối tượng trên về các yếu tố nguy cơ và các can thiệp phù hợp với nguy cơ, tư vấn chuyển gửi điều trị;</li> <li>- Cung cấp và hướng dẫn sử dụng các vật dụng dự phòng (bao cao su, bơm kim tiêm); hướng dẫn điều trị dự phòng, điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế;</li> <li>- Xét nghiệm sàng lọc HIV;</li> <li>- Lập hồ sơ và quản lý đối tượng.</li> </ul>



STT	Danh mục và nội dung chi tiết của dịch vụ
5.	<p>Quy trình, hướng dẫn triển khai theo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Việc cung cấp và hướng dẫn sử dụng bao cao su, bơm kim tiêm sạch thực hiện theo Nghị định số 108/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS); Quyết định số 01/QĐ-AIDS ngày 05/01/2015 của Cục trưởng Cục Phòng, chống HIV/AIDS về việc ban hành hướng dẫn can thiệp giảm tác hại dự phòng lây nhiễm HIV cho người nghiện chích ma túy;</li> <li>- Việc hướng dẫn triển khai PrEP thực hiện theo Quyết định số 5968/QĐ-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành hướng dẫn điều trị và chăm sóc HIV/AIDS;</li> <li>- Xét nghiệm sàng lọc HIV thực hiện theo Quyết định số 2673/QĐ-BYT ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn tư vấn, xét nghiệm HIV tại cộng đồng; Quyết định số 2674/QĐ-BYT ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn quốc gia xét nghiệm HIV;</li> <li>- Việc cấp phát thuốc điều trị thay thế hàng ngày thực hiện theo Điều 14, Thông tư số 14/2015/TT-BYT ngày 25 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý thuốc Methadone;</li> <li>- Việc cấp phát thuốc điều trị thay thế nhiều ngày thực hiện theo mục 1, Chương III, Quyết định số 569/QĐ-BYT ngày 09 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành hướng dẫn triển khai thí điểm cấp thuốc Methadone nhiều ngày cho người bệnh điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện.</li> </ul>
<b>Gói 19</b>	<b>Giám sát dịch tễ học HIV, giám sát người nhiễm HIV, theo dõi đánh giá chương trình tại xã phường</b>
1.	Địa điểm thực hiện: tại Trạm Y tế xã và tại cộng đồng.
2.	Đối tượng: người nhiễm HIV chưa tham gia điều trị hoặc đã bỏ điều trị HIV, người nhiễm HIV, nhóm có hành vi nguy cơ cao lây nhiễm HIV, cộng đồng và các đơn vị cung cấp dịch vụ HIV/AIDS tại xã phường.
3.	Tần suất thực hiện: thường xuyên và/hoặc định kỳ theo quy định.
4.	<p>Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giám sát dịch tễ học HIV (Lập danh sách bạn tình, bạn chích; Tiếp cận vận động người có hành vi nguy cơ lây nhiễm HIV cao đi làm xét nghiệm HIV; Tư vấn trước xét nghiệm HIV; Làm xét nghiệm sàng lọc HIV; Lấy máu gửi xét nghiệm khẳng định; Bảo quản và vận chuyển mẫu đến phòng xét nghiệm khẳng định; Trả kết quả, tư vấn sau xét nghiệm và giới thiệu tham gia điều trị; Tư vấn xét nghiệm bạn tình, bạn chích; Tư vấn xét nghiệm mạng lưới xã hội của nhóm người nam quan hệ tình dục với nam; Tiếp cận, mời, phỏng vấn đối tượng tham gia giám sát trọng điểm);</li> </ul>

STT	Danh mục và nội dung chi tiết của dịch vụ
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giám sát người nhiễm HIV (Lập danh sách người nhiễm HIV, người nhiễm HIV đang điều trị thuốc ARV; Xác minh các trường hợp nhiễm HIV; Định kỳ rà soát, cập nhật tình trạng cư trú, tình trạng tham gia điều trị HIV của người nhiễm HIV; tình trạng tử vong);</li> <li>- Theo dõi, đánh giá hoạt động phòng, chống HIV/AIDS (Thống kê, rà soát đảm bảo chất lượng số liệu báo cáo; Thực hiện chế độ báo cáo hằng tháng, hằng quý cho đơn vị tổng hợp tuyến trên).</li> </ul>
5.	<p>Quy trình, hướng dẫn triển khai thực hiện theo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 09/2012/TT-BYT ngày 24 tháng 5 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn giám sát dịch tễ học HIV/AIDS và giám sát các nhiễm trùng lây truyền qua đường tình dục;</li> <li>- Thông tư số 03/2015/TT-BYT ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chế độ báo cáo công tác phòng, chống HIV/AIDS;</li> <li>- Quyết định số 5968/QĐ-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn điều trị và chăm sóc HIV/AIDS;</li> <li>- Quyết định số 2673/QĐ-BYT ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn tư vấn, xét nghiệm HIV tại cộng đồng;</li> <li>- Quyết định số 2674/QĐ-BYT ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn quốc gia xét nghiệm HIV.</li> </ul>
<b>Gói 20</b>	<b>Chăm sóc người bệnh HIV/AIDS tại nhà</b>
1.	Địa điểm thực hiện: tại nhà người bệnh.
2.	Đối tượng: người bệnh HIV điều trị thuốc ARV đang được quản lý, chăm sóc tại xã.
3.	Tần suất thực hiện: hằng quý hoặc đột xuất khi người bệnh có nhu cầu.
4.	<p>Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tư vấn hỗ trợ tuân thủ điều trị thuốc ARV.</li> <li>- Thực hiện chăm sóc giảm nhẹ, hướng dẫn cách tự chăm sóc, xử trí các triệu chứng đau, các triệu chứng thông thường khác tại nhà và phát hiện các dấu hiệu nguy hiểm cần chuyển tới cơ sở y tế tuyến trên.</li> <li>- Sàng lọc phát hiện các dấu hiệu về sức khỏe tâm thần (lo âu, trầm cảm) hỗ trợ tâm lý, tinh thần cho người bệnh HIV/AIDS, giới thiệu đến cơ sở y tế để khám chuyên khoa nếu cần.</li> <li>- Chăm sóc cuối đời.</li> </ul>
5.	<p>Quy trình, hướng dẫn triển khai thực hiện theo: Quyết định số 1781/QĐ-BYT ngày 27/5/2010 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn thực hiện chăm sóc người nhiễm HIV tại nhà và cộng đồng; Quyết định số 5968/QĐ-BYT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn điều trị và chăm sóc HIV/AIDS.</p>

STT	Danh mục và nội dung chi tiết của dịch vụ
<b>h) Nhóm dịch vụ xác định tình trạng nghiện ma túy</b>	
<b>Gói 21</b>	<b>Xác định tình trạng nghiện ma túy</b>
1.	Địa điểm thực hiện: do bác sỹ hoặc y sỹ thực hiện tại Trạm Y tế xã hoặc các địa điểm theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 109/2021/NĐ-CP.
2.	Đối tượng: người tự nguyện xác định tình trạng nghiện ma túy và người được đề nghị xác định tình trạng nghiện ma túy.
3.	Tần suất thực hiện: theo nhu cầu của khách hàng hoặc theo đề nghị của cơ quan công an.
4.	Nội dung: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp nhận người và thu thập thông tin liên quan của người cần xác định tình trạng nghiện ma túy;</li> <li>- Khám bệnh, theo dõi lâm sàng, ghi thông tin vào sổ hồ sơ bệnh án và Phiếu tổng hợp theo dõi để xác định tình trạng nghiện ma túy;</li> <li>- Ghi kết luận;</li> <li>- Khám bệnh, theo dõi lâm sàng, ghi thông tin và kết luận vào hồ sơ bệnh án và các Phiếu theo dõi.</li> </ul>
5.	Quy trình, hướng dẫn triển khai thực hiện theo: Thông tư số 18/2021/TT-BYT ngày 16/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn chẩn đoán và quy trình chuyên môn để xác định tình trạng nghiện ma túy.
<b>i) Nhóm dịch vụ tiêm chủng</b>	
<b>Gói 22</b>	<b>Tiếp nhận, vận chuyển, bảo quản vắc xin tiêm chủng mở rộng</b>
1.	Địa điểm thực hiện: tại Trạm Y tế xã và Trung tâm Y tế huyện.
2.	Đối tượng: trẻ em và phụ nữ có thai trên toàn quốc.
3.	Tần suất thực hiện: hằng tháng.
4.	Nội dung: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trước tiêm chủng: nhận, bảo quản, vận chuyển vắc xin từ huyện về xã;</li> <li>- Sau tiêm chủng: bảo quản, vận chuyển trả vắc xin về huyện để bảo quản (đối với các xã xa trung tâm y tế huyện, đường giao thông đi lại khó khăn, sau tiêm chủng có thể lưu trữ, bảo quản vắc xin tại trạm y tế bằng tủ chuyên dụng để triển khai tiêm chủng trong tháng tiếp theo).</li> </ul>
5.	Quy trình, hướng dẫn triển khai thực hiện theo: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 8 của Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng;</li> <li>- Chương II của Thông tư số 34/2018/TT-BYT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng.</li> </ul>
<b>Gói 23</b>	<b>Tổ chức tiêm chủng bao gồm: tư vấn trước tiêm chủng, khám sàng lọc, tiêm chủng, theo dõi phản ứng sau tiêm chủng, quản lý đối tượng, thống kê báo cáo</b>

<b>STT</b>	<b>Danh mục và nội dung chi tiết của dịch vụ</b>
1.	Địa điểm thực hiện: tại Trạm Y tế xã hoặc điểm cung cấp dịch vụ tiêm chủng tại cộng đồng hoặc tại nhà.
2.	Đối tượng: trẻ em và phụ nữ có thai trên toàn quốc.
3.	Tần suất thực hiện: hằng tháng.
4.	Nội dung: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảo quản vắc xin tại điểm tiêm chủng;</li> <li>- Trước tiêm chủng: bao gồm rà soát đối tượng tiêm chủng; thông báo cho đối tượng tiêm chủng; tư vấn trước tiêm chủng; khám sàng lọc;</li> <li>- Thực hiện tiêm chủng: thực hiện các kỹ thuật tiêm chủng đối với từng mũi tiêm/uống;</li> <li>- Sau tiêm chủng: theo dõi sau tiêm chủng, hướng dẫn xử trí phản ứng bất thường (nếu có), nhập dữ liệu tiêm chủng và thống kê, báo cáo theo quy định.</li> </ul>
5.	Quy trình, hướng dẫn triển khai thực hiện theo: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương III và IV của Thông tư số 34/2018/TT-BYT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng;</li> <li>- Quyết định số 2470/QĐ-BYT ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn Khám sàng lọc trước tiêm chủng đối với trẻ em;</li> <li>- Quyết định số 3421/QĐ-BYT ngày 28 tháng 7 năm 2017 về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia.</li> </ul>
<b>k) Nhóm dịch vụ về dinh dưỡng</b>	
<b>Gói 24</b>	<b>Quản lý trẻ suy dinh dưỡng cấp tính nặng tại cộng đồng</b>
1.	Địa điểm thực hiện: tại Trạm Y tế xã hoặc tại hộ gia đình.
2.	Đối tượng: trẻ em 0-72 tháng tuổi.
3.	Tần suất thực hiện: trẻ được xác định suy dinh dưỡng cấp tính nặng đến tái kiểm tra tại Trạm Y tế xã 01 lần/tuần, lộ trình quản lý ngoại trú 6-10 tuần, tối đa 03 tháng.
4.	Nội dung: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trạm Y tế xã kiểm tra, đánh giá, tiếp nhận trẻ nếu đáp ứng tiêu chuẩn chẩn đoán suy dinh dưỡng cấp tính nặng;</li> <li>- Trạm Y tế xã tái kiểm tra hằng tuần, cấp thuốc và sản phẩm điều trị, tư vấn dinh dưỡng, cử nhân viên y tế thôn bản, cộng tác viên dân số (nếu có) thăm hộ gia đình nếu có chỉ định;</li> <li>- Xuất và chuyển tuyến phù hợp khi đáp ứng điều kiện theo phác đồ (chuyển nội trú hoặc điều trị dự phòng).</li> </ul>

STT	<b>Danh mục và nội dung chi tiết của dịch vụ</b>
5.	<p>Quy trình, hướng dẫn triển khai thực hiện theo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 4487/QĐ-BYT ngày 18 tháng 8 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh suy dinh dưỡng cấp tính ở trẻ em từ 0 đến 72 tháng tuổi;</li> <li>- Quyết định số 3779/QĐ-BYT ngày 26 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn thực hiện quản lý suy dinh dưỡng cấp tính ở trẻ em từ 0 đến 72 tháng tuổi.</li> </ul>
<b>I) Nhóm dịch vụ bảo đảm an toàn thực phẩm</b>	
<b>Gói 25</b>	<b>Kiểm tra, giám sát và tập huấn bảo đảm an toàn thực phẩm</b>
1.	Địa điểm thực hiện: tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền quản lý và cơ sở kinh doanh thức ăn đường phố trên địa bàn xã và tại Trạm Y tế xã.
2.	Đối tượng: các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền quản lý và cơ sở kinh doanh thức ăn đường phố trên địa bàn xã.
3.	<p>Tần suất thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra, giám sát ít nhất 01 lần/01 cơ sở/01 năm;</li> <li>- Tập huấn ít nhất 02 lần/01 năm và theo yêu cầu của các chương trình y tế cụ thể.</li> </ul>
4.	<p>Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra việc tuân thủ các quy định về an toàn thực phẩm;</li> <li>- Giám sát mối nguy ô nhiễm thực phẩm bằng bộ test nhanh hóa/lý và vi sinh, thực hiện xét nghiệm nhanh;</li> <li>- Tập huấn, hướng dẫn, cập nhật kiến thức về bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm, các biện pháp phòng chống ngộ độc thực phẩm.</li> </ul>
5.	<p>Quy trình, hướng dẫn triển khai thực hiện theo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với nội dung kiểm tra, giám sát, thực hiện theo Thông tư số 48/2015/TT-BYT ngày 01 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc quy định hoạt động kiểm tra an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế;</li> <li>- Đối với nội dung tập huấn về bảo đảm an toàn thực phẩm, thực hiện theo Mục 5. Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong kinh doanh thức ăn đường phố của Luật An toàn thực phẩm và khoản 2, Điều 2 của Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế.</li> </ul>
<b>m) Nhóm dịch vụ về sức khỏe môi trường, phòng chống tai nạn thương tích, sức khỏe lao động</b>	
<b>Gói 26</b>	<b>Giám sát, tư vấn, tập huấn công tác vệ sinh môi trường, sử dụng nước sạch</b>
1.	Địa điểm thực hiện: tại Trạm Y tế xã và hộ gia đình.

STT	Danh mục và nội dung chi tiết của dịch vụ
2.	Đối tượng: người dân.
3.	Tần suất thực hiện: ít nhất 01 lần/01 năm.
4.	<p>Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giám sát vệ sinh nhà tiêu hộ gia đình;</li> <li>- Tư vấn, tập huấn cho người dân về nhà tiêu hợp vệ sinh, vệ sinh cá nhân và sử dụng nước sạch.</li> </ul>
5.	<p>Quy trình, hướng dẫn triển khai thực hiện theo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 15/2006/TT-BYT ngày 30 tháng 11 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn kiểm tra vệ sinh nước sạch, nước ăn uống và nhà tiêu hộ gia đình.</li> <li>- Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - Điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh;</li> <li>- Thông tư số 23/2022/TT-BNNPTNN ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn.</li> </ul>
<b>Gói 27</b>	<b>Tập huấn về dự phòng các yếu tố nguy cơ gây tai nạn thương tích, tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp</b>
1.	Địa điểm thực hiện: tại Trạm Y tế xã hoặc cộng đồng hoặc các doanh nghiệp hoặc hộ sản xuất kinh doanh hoặc hộ gia đình.
2.	Đối tượng: người dân, người lao động không có hợp đồng lao động tại các hộ sản xuất kinh doanh/hộ gia đình/các doanh nghiệp, các ban ngành/tổ chức liên quan của xã.
3.	Tần suất thực hiện: tối thiểu 01 lần/01 năm.
4.	<p>Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hướng dẫn cho người dân, các ban ngành/tổ chức liên quan của xã về: Dự phòng các yếu tố nguy cơ gây tai nạn thương tích; xử trí, sơ cấp cứu ban đầu; phổ biến các nội dung về xây dựng cộng đồng an toàn;</li> <li>- Hướng dẫn cho người lao động không có hợp đồng lao động trong lĩnh vực phi kết cấu (nông nghiệp, làng nghề) về các yếu tố nguy cơ gây tai nạn lao động ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động, bệnh nghề nghiệp, bệnh liên quan đến nghề nghiệp và các biện pháp dự phòng.</li> </ul>
5.	<p>Quy trình, hướng dẫn triển khai thực hiện theo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động (Chương II. Kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc);</li> <li>- Quyết định số 170/QĐ-BYT ngày 17 tháng 01 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế về hướng dẫn xây dựng cộng đồng an toàn, phòng chống tai nạn thương tích.</li> </ul>

STT	Danh mục và nội dung chi tiết của dịch vụ
<b>n) Nhóm dịch vụ chăm sóc sức khỏe trước khi kết hôn, dân số và kế hoạch hóa gia đình</b>	
<b>Gói 28</b>	<b>Chăm sóc sức khỏe trước khi kết hôn</b>
<b>28.1.</b>	<b><i>Tư vấn tâm sinh lý và sức khỏe trước khi kết hôn</i></b>
1.	Địa điểm thực hiện: tại Trạm Y tế xã hoặc điểm cung cấp dịch vụ.
2.	Đối tượng: nam, nữ thanh niên chưa kết hôn; các bậc phụ huynh.
3.	Tần suất thực hiện: 01 lần/01 đối tượng.
4.	Nội dung: tư vấn những vấn đề về tâm sinh lý, tình bạn, tình yêu, tình dục an toàn, kế hoạch hóa gia đình, dinh dưỡng, phòng ngừa bạo lực tình dục, các bệnh di truyền thường gặp, các bệnh của bố mẹ sẽ liên quan đến bệnh, tật bẩm sinh của trẻ sơ sinh và những nội dung liên quan.
5.	Quy trình, hướng dẫn triển khai thực hiện theo: Quyết định số 25/QĐ-BYT ngày 07 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn chuyên môn về tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân.
<b>28.2.</b>	<b><i>Khám sức khỏe trước khi kết hôn</i></b>
1.	Địa điểm thực hiện: tại Trạm Y tế xã hoặc điểm cung cấp dịch vụ.
2.	Đối tượng: nam, nữ thanh niên trước khi kết hôn.
3.	Tần suất thực hiện: ít nhất 01 lần/01 đối tượng.
4.	Nội dung: - Khám lâm sàng gồm: hỏi tiền sử bệnh liên quan đến sức khỏe sinh sản; khám thể lực, sản phụ khoa, da liễu; - Khám cận lâm sàng gồm: thực hiện test nhanh viêm gan B: HBsAg test nhanh; test nhanh HIV: Anti-HIV nhanh; test nhanh bệnh giang mai: Treponema pallidum TPHA định tính.
5.	Quy trình, hướng dẫn triển khai thực hiện theo Quyết định số 25/QĐ-BYT ngày 07 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn chuyên môn về tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân; Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn khám sức khỏe.
<b>28.3.</b>	<b><i>Quản lý đối tượng có nguy cơ cao sau khám sức khỏe trước khi kết hôn</i></b>
1.	Địa điểm thực hiện: tại Trạm Y tế xã hoặc điểm cung cấp dịch vụ.
2.	Đối tượng: nam, nữ thanh niên trước khi kết hôn.
3.	Tần suất thực hiện: 01 lần/01 đối tượng.
4.	Nội dung: - Tư vấn kỹ năng hiệu và phòng tránh các bệnh di truyền cho các cặp nam nữ trước khi kết hôn; - Tư vấn hướng dẫn để khám chuyên khoa sâu nhằm xác định bệnh và hướng dẫn điều trị; - Cập nhật lập hồ sơ theo dõi, quản lý đối tượng.

STT	Danh mục và nội dung chi tiết của dịch vụ
5.	Quy trình, hướng dẫn triển khai thực hiện theo: Quyết định số 25/QĐ-BYT ngày 07 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn chuyên môn về tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân; Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn khám sức khỏe.
<b>Gói 29</b>	<b>Thu thập thông tin dân số tại hộ gia đình; cập nhật và quản lý thông tin chuyên ngành dân số</b>
1.	Địa điểm thực hiện: tại Trạm Y tế xã hoặc tại nhà hoặc điểm cung cấp dịch vụ tại cộng đồng.
2.	Đối tượng: toàn bộ người dân sinh sống theo hộ dân cư trên địa bàn, không phân biệt là họ đã hoặc chưa được đăng ký hộ khẩu thường trú.
3.	Tần suất thực hiện: hằng tháng.
4.	<p>Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân công cho mỗi cộng tác viên dân số quản lý, phụ trách địa bàn từ 150-200 hộ hằng tháng, cộng tác viên dân số đến từng hộ gia đình thu thập, cập nhật các thông tin chuyên ngành dân số (sinh, chết, kết hôn, ly hôn, chuyển đi, chuyển đến) và các dịch vụ Dân số - Kế hoạch hóa gia đình;</li> <li>- Thu thập thông tin lần đầu theo hộ dân cư các thông tin cơ bản (địa chỉ nơi ở, họ và tên, quan hệ chủ hộ, ngày sinh, giới tính, dân tộc, trình độ học vấn, tình trạng hôn nhân, tình trạng cư trú);</li> <li>- Thu thập thông tin biến động theo hộ dân cư về sinh, chết, kết hôn, ly hôn, chuyển đi, chuyển đến và các dịch vụ Dân số;</li> <li>- Thu thập thông tin tách nhập hộ gia đình (nếu có);</li> <li>- Cán bộ chuyên trách dân số xã cập nhật các thông tin thu thập tại hộ của cộng tác viên dân số vào hệ thống thông tin quản lý chuyên ngành dân số vào kho dữ liệu điện tử;</li> <li>- Cán bộ chuyên trách dân số xã thực hiện kiểm tra hiệu đính các phiếu thu tin của cộng tác viên dân số;</li> <li>- Cập nhật thông tin lần đầu theo hộ dân cư với các thông tin cơ bản và thường xuyên cập nhật các thông tin biến động.</li> </ul>
5.	Quy trình, hướng dẫn triển khai thực hiện theo: Thông tư số 01/2022/TT-BYT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định ghi chép ban đầu và chế độ báo cáo thống kê chuyên ngành dân số.
<b>Gói 30</b>	<b>Đặt hoặc tháo dụng cụ tử cung, tiêm thuốc tránh thai và cấp phát viên uống tránh thai, bao cao su</b>
<b>30.1.</b>	<b>Đặt hoặc tháo dụng cụ tử cung</b>
1.	Địa điểm thực hiện: tại Trạm Y tế xã hoặc điểm cung cấp dịch vụ tại cộng đồng.



STT	<b>Danh mục và nội dung chi tiết của dịch vụ</b>
2.	Đối tượng: phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ (15-49 tuổi) và có nhu cầu đặt hoặc tháo dụng cụ tử cung.
3.	Tần suất thực hiện: trung bình là 4,5 năm/01 lần.
4.	<p>Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện tư vấn trực tiếp cho từng đối tượng về kế hoạch hóa gia đình theo hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản;</li> <li>- Thực hiện đặt hoặc tháo dụng cụ tử cung theo hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản.</li> </ul>
5.	Quy trình, hướng dẫn triển khai thực hiện theo: Quyết định số 4128/QĐ-BYT ngày 29 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt tài liệu hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản.
<b>30.2.</b>	<b><i>Tiêm thuốc tránh thai</i></b>
1.	Địa điểm thực hiện: tại Trạm Y tế xã hoặc điểm cung cấp dịch vụ tại cộng đồng.
2.	Đối tượng: phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ (15-49 tuổi) và có nhu cầu tiêm thuốc tránh thai.
3.	Tần suất thực hiện: 01 lần/03 tháng.
4.	<p>Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện tư vấn trực tiếp cho từng đối tượng về kế hoạch hóa gia đình theo hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản;</li> <li>- Thực hiện tiêm thuốc tránh thai theo hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản.</li> </ul>
5.	Quy trình, hướng dẫn triển khai thực hiện theo: Quyết định số 4128/QĐ-BYT ngày 29 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt tài liệu hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản.
<b>30.3.</b>	<b><i>Cấp phát viên uống tránh thai và bao cao su tránh thai</i></b>
1.	Địa điểm thực hiện: tại Trạm Y tế xã hoặc tại nhà hoặc điểm cung cấp dịch vụ tại cộng đồng.
2.	Đối tượng: phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ (15-49 tuổi) và có nhu cầu sử dụng viên uống tránh thai hoặc bao cao su tránh thai.
3.	Tần suất thực hiện: 01 lần/01 tháng.
4.	<p>Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện tư vấn trực tiếp cho từng đối tượng về kế hoạch hóa gia đình theo hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản;</li> <li>- Thực hiện cấp phát viên uống tránh thai hoặc bao cao su tránh thai theo hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản.</li> </ul>
5.	Quy trình, hướng dẫn triển khai thực hiện theo: Quyết định số 4128/QĐ-BYT ngày 29 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt tài liệu hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản.

<b>STT</b>	<b>Danh mục và nội dung chi tiết của dịch vụ</b>
<b>Gói 31</b>	<b>Khám theo dõi người đang sử dụng dụng cụ tử cung hoặc sử dụng thuốc tránh thai có sử dụng nội tiết tố</b>
<b>31.1.</b>	<b>Khám theo dõi người đang sử dụng dụng cụ tử cung</b>
1.	Địa điểm thực hiện: tại Trạm Y tế xã hoặc điểm cung cấp dịch vụ tại cộng đồng.
2.	Đối tượng: phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ (15-49 tuổi) sau khi đặt dụng cụ tử cung.
3.	Tần suất thực hiện: 06 tháng/01 lần.
4.	Nội dung: thực hiện khám theo dõi người đang sử dụng dụng cụ tử cung theo hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản.
5.	Quy trình, hướng dẫn triển khai thực hiện theo: Quyết định số 4128/QĐ-BYT ngày 29 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt tài liệu hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản.
<b>31.2.</b>	<b>Khám theo dõi người đang sử dụng thuốc tránh thai</b>
1.	Địa điểm thực hiện: tại Trạm Y tế xã hoặc điểm cung cấp dịch vụ tại cộng đồng.
2.	Đối tượng: phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ (15-49 tuổi) đang sử dụng thuốc tránh thai.
3.	Tần suất thực hiện: khám kiểm tra định kỳ 06 tháng/01 lần.
4.	Nội dung: thực hiện khám theo dõi người đang sử dụng thuốc tránh thai theo hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản.
5.	Quy trình, hướng dẫn triển khai thực hiện theo: Quyết định số 4128/QĐ-BYT ngày 29 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt tài liệu hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản.
<b>o) Nhóm dịch vụ về truyền thông y tế - dân số.</b>	
<b>Gói 32</b>	<b>Truyền thông, giáo dục sức khỏe, dân số tại Trạm Y tế xã</b>
<b>32.1.</b>	<b>Truyền thông tư vấn trực tiếp</b>
1.	Địa điểm thực hiện: tại Trạm Y tế xã.
2.	Đối tượng: người dân, người bệnh đến Trạm Y tế xã.
3.	Tần suất thực hiện: hằng tuần hoặc theo yêu cầu của các chương trình y tế, dân số cụ thể.
4.	Nội dung: tư vấn cho người dân và người bệnh về chế độ chính sách y tế, bảo hiểm y tế, chăm sóc, điều trị, dự phòng và nâng cao sức khỏe, dinh dưỡng, dân số và kế hoạch hóa gia đình.
5.	Quy trình, hướng dẫn triển khai thực hiện theo: hướng dẫn của các chương trình cụ thể của Bộ Y tế.
<b>32.2.</b>	<b>Truyền thông tư vấn nhóm, nói chuyện chuyên đề, sinh hoạt câu lạc bộ sức khỏe... tại Trạm Y tế xã</b>

<b>STT</b>	<b>Danh mục và nội dung chi tiết của dịch vụ</b>
1.	Địa điểm thực hiện: tại Trạm Y tế xã.
2.	Đối tượng: người dân, người bệnh đến Trạm Y tế xã.
3.	Tần suất thực hiện: ít nhất 02 lần/01 tháng hoặc theo yêu cầu của các chương trình y tế, dân số cụ thể.
4.	Nội dung: truyền thông tư vấn nhóm, nói chuyện chuyên đề, sinh hoạt câu lạc bộ sức khỏe cho người dân và người bệnh khi đến Trạm Y tế xã về chế độ chính sách y tế, bảo hiểm y tế, chăm sóc, điều trị, dự phòng và nâng cao sức khỏe, dinh dưỡng, dân số và kế hoạch hóa gia đình.
5.	Quy trình, hướng dẫn triển khai thực hiện theo: hướng dẫn của các chương trình cụ thể của Bộ Y tế.
<b>Gói 33</b>	<b>Truyền thông y tế, dân số tại cộng đồng</b>
<b>33.1.</b>	<b><i>Thăm - tư vấn hộ gia đình</i></b>
1.	Địa điểm thực hiện: tại hộ gia đình.
2.	Đối tượng: người dân, người bị mắc bệnh tại xã.
3.	Tần suất thực hiện: hằng tuần hoặc theo yêu cầu của chương trình y tế, dân số cụ thể.
4.	Nội dung: thăm thực tế, tư vấn tại hộ gia đình, điều tra đối tượng, kiểm tra vệ sinh môi trường, dịch bệnh và giám sát theo dõi các người bệnh đang quản lý, điều trị tại gia đình, tuyên truyền vận động về chế độ chính sách y tế, bảo hiểm y tế, chăm sóc, điều trị, dự phòng và nâng cao sức khỏe, dinh dưỡng, dân số và kế hoạch hóa gia đình.
5.	Quy trình, hướng dẫn triển khai thực hiện theo: hướng dẫn của các chương trình cụ thể của Bộ Y tế.
<b>33.2.</b>	<b><i>Truyền thông - tư vấn trực tiếp tại cộng đồng</i></b>
1.	Địa điểm thực hiện: điểm cung cấp dịch vụ tại cộng đồng.
2.	Đối tượng: người dân, người bị mắc bệnh tại xã.
3.	Tần suất thực hiện: hằng tuần hoặc theo yêu cầu của các chương trình y tế, dân số cụ thể.
4.	Nội dung: tư vấn, hướng dẫn cho người dân về chế độ chính sách y tế, bảo hiểm y tế, chăm sóc, điều trị, dự phòng và nâng cao sức khỏe, dinh dưỡng, dân số và kế hoạch hóa gia đình.
5.	Quy trình, hướng dẫn triển khai thực hiện theo: hướng dẫn của các chương trình cụ thể của Bộ Y tế.
<b>33.3.</b>	<b><i>Tư vấn nhóm, nói chuyện chuyên đề, sinh hoạt câu lạc bộ sức khỏe... tại cộng đồng</i></b>
1.	Địa điểm thực hiện: tại cộng đồng.
2.	Đối tượng: người dân, người bị mắc bệnh tại xã.
3.	Tần suất thực hiện: hằng tuần hoặc theo yêu cầu của các chương trình y tế, dân số cụ thể.

STT	Danh mục và nội dung chi tiết của dịch vụ
4.	Nội dung: tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề hoặc sinh hoạt các câu lạc bộ sức khỏe về các chủ đề liên quan đến tư vấn, hướng dẫn cho người dân về chăm sóc, quản lý bệnh tật tại nhà, dự phòng bệnh tật và nâng cao sức khỏe, chế độ chính sách y tế, bảo hiểm y tế, chăm sóc, điều trị, dự phòng và nâng cao sức khỏe, dân số và kế hoạch hóa gia đình.
5.	Quy trình, hướng dẫn triển khai thực hiện theo: hướng dẫn của các chương trình cụ thể của Bộ Y tế.
<b>Gói 34</b>	<b>Truyền thông trên hệ thống truyền thông cấp xã</b>
<b>34.1.</b>	<b><i>Biên tập các tin, bài để truyền thông trên loa đài truyền thanh cấp xã hoặc các trang mạng xã hội của xã</i></b>
1.	Địa điểm thực hiện: tại xã.
2.	Đối tượng: toàn thể người dân tại xã.
3.	Tần suất thực hiện: ít nhất 02 bài/01 tháng hoặc theo yêu cầu của các chương trình y tế, dân số cụ thể.
4.	Nội dung: viết, biên tập các tin, bài để đọc phát trên loa đài truyền thanh cấp xã hoặc truyền thông trên các trang mạng xã hội cấp xã về các chủ đề: chế độ chính sách y tế, bảo hiểm y tế, chăm sóc, điều trị, dự phòng bệnh tật và nâng cao sức khỏe, dinh dưỡng, dân số và kế hoạch hóa gia đình.
5.	Quy trình, hướng dẫn triển khai thực hiện theo: hướng dẫn của các chương trình cụ thể của Bộ Y tế.
<b>34.2.</b>	<b><i>Đọc phát thanh các nội dung truyền thông trên loa đài phát thanh cấp xã</i></b>
1.	Địa điểm thực hiện: tại xã.
2.	Đối tượng: toàn thể người dân tại xã.
3.	Tần suất thực hiện: ít nhất 02 lần/01 tuần và hằng ngày trong các đợt chiến dịch hoặc theo yêu cầu của các chương trình y tế, dân số, dinh dưỡng cụ thể.
4.	Nội dung: đọc trên loa đài truyền thanh xã các bài tuyên truyền đã biên tập hoặc các tài liệu truyền thông của tuyến trên chuyển xuống.
5.	Quy trình, hướng dẫn triển khai thực hiện theo: hướng dẫn của các chương trình cụ thể của Bộ Y tế.
<b>Gói 35</b>	<b>Tổ chức các hoạt động sự kiện, chiến dịch truyền thông trên địa bàn</b>
1.	Địa điểm thực hiện: tại xã.
2.	Đối tượng: toàn thể người dân tại xã.
3.	Tần suất thực hiện: theo yêu cầu của cấp trên và các chương trình y tế, dân số cụ thể.
4.	Nội dung: tổ chức, giám sát thực hiện các hoạt động truyền thông, sự kiện và chiến dịch truyền thông, truyền thông lồng ghép theo các chủ đề, hướng dẫn của tuyến Trung ương, tỉnh, huyện.

STT	Danh mục và nội dung chi tiết của dịch vụ
5.	Quy trình, hướng dẫn triển khai thực hiện theo: hướng dẫn của các chương trình cụ thể của Bộ Y tế.
<b>Gói 36</b>	<b>Tổ chức cuộc thi, giao lưu truyền thông giáo dục sức khỏe tại cộng đồng</b>
1.	Địa điểm thực hiện: tại xã hoặc các địa điểm khác do cấp có thẩm quyền quyết định.
2.	Đối tượng: cộng đồng.
3.	Tần suất thực hiện: theo yêu cầu của cấp trên và các chương trình y tế, dân số cụ thể.
4.	Nội dung: tổ chức, giám sát thực hiện các cuộc thi, giao lưu truyền thông giáo dục sức khỏe theo các chủ đề, hướng dẫn của tuyến Trung ương, tỉnh, huyện.
5.	Quy trình, hướng dẫn triển khai thực hiện theo: hướng dẫn của các chương trình cụ thể của Bộ Y tế.